

| | | |
|--|---|--|
| <p><u>Bài tập 3</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu câu hỏi: Các cháu có thể nói nhỏ hơn không? - GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng. | | <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu của bài - HS trả lời: Câu hỏi không dùng để hỏi mà để yêu cầu: các cháu hãy nói nhỏ hơn. |
| <p>3.3Hoạt động 2 :<u>Ghi nhớ</u> Yêu cầu HS đọc thầm phần ghi nhớ <i>Nhiều khi ta có thể dùng câu hỏi để thể hiện :</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Thái độ khen , chê.</i> - <i>Sự khẳng định , phủ định</i> - <i>Yêu cầu ,mong muốn ...</i> | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thầm phần ghi nhớ - 3 – 4 HS lần lượt đọc to phần ghi nhớ trong SGK |
| <p>3.4Hoạt động 3: <u>Hướng dẫn luyện tập</u> <u>Bài tập 1:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập - GV dán 4 băng giấy lên bảng <p>- GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng:</p> | 7 | <p>4 HS tiếp nối nhau đọc yêu cầu của bài tập, suy nghĩ, làm bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - 4 HS xung phong lên bảng thi làm bài – các em viết mục đích của mỗi câu vào bên cạnh từng câu - Cả lớp nhận xét <p>Câu a) Câu hỏi được mẹ dùng để bảo con nín khóc (thể hiện yêu cầu)</p> <p>Câu b) Câu hỏi được bạn dùng để thể hiện ý chê trách.</p> <p>Câu c) Câu hỏi được chị dùng để chê em vẽ ngựa không giống.</p> <p>Câu d) Câu hỏi được bà cụ dùng để nhờ giúp đỡ.</p> |
| <p><u>Bài tập 2:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập - GV phát giấy khổ to cho các nhóm <p>- GV nhận xét, kết luận những câu hỏi được đặt đúng.</p> | 7 | <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu của bài tập - HS làm việc theo nhóm. Các nhóm bàn bạc, viết nhanh ra giấy 4 câu hỏi hợp với 4 tình huống đã cho. - VD Cậu chờ xong giờ sinh hoạt mình nói chuyện có được không ? - Sao nhà cậu sạch sẽ thế ? -Đại diện nhóm trình bày -Cả lớp nhận xét |
| <p><u>Bài tập 3:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhắc mỗi em chỉ nêu 1 tình huống - GV nhận xét. | 7 | <ul style="list-style-type: none"> -HS đọc yêu cầu của bài, suy nghĩ - tiếp nối nhau phát biểu ý kiến. -VD Nhìn thấy ngôi sao Hà vừa gặp Liên liền nói : Sao cậu khéo tay thế ? - Cả lớp nhận xét. |
| <p>4. <u>Củng cố</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiều khi ta dùng câu hỏi để thể | 2 | <p>HS nêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Thái độ khen , chê.</i> |

| | | |
|---|---|--|
| hiện điều gì ? GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập của HS. | | - <i>Sự khăng định , phủ định</i> - <i>Yêu cầu ,mong muốn ...</i> |
| 5. Dặn dò Chuẩn bị bài:Mở rộng vốn từ: Trò chơi – đồ chơi | 1 | Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu |

KĨ THUẬT

TIẾT 14 : THÊU MÓC XÍCH(tiết 2)

I. MỤC TIÊU :

1.Kiến thức:

- Biết cách thêu móc xích

Thêu được mũi thêu móc xích . Các mũi thêu tạo thành những vòng chỉ móc nối tiếp tương đối đều nhau . Thêu được ít nhất 5 vòng móc xích . Đường thêu có thể bị dùm .

2.Kĩ năng:

- HS thêu được các mũi thêu móc xích .

3. Thái độ:

- HS hứng thú học thêu .

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

*** Giáo viên :**

- Tranh quy trình thêu móc xích ; Mẫu thêu và một số sản phẩm có kích thước đủ lớn được thêu và trang trí bằng mũi thêu móc xích .

- Vật liệu và dụng cụ như : 1 mảnh vải trắng có kích thước 20 cm x 30 cm.
- Chỉ; Kim , kéo, thước , phấn vạch .

*** Học sinh :**

- 1 số mẫu vật liệu và dụng cụ như GV .

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

| Hoạt động của giáo viên | TG | Hoạt động của học sinh |
|--|-----------|-------------------------------------|
| 1. Ôn định tổ chức lớp | 1 | HS chuẩn bị đồ dùng học tập |
| 2. Kiểm tra bài cũ -Nêu quy trình thêu móc xích. GV nhận xét bài cũ | 4 | 2 HS nêu – HS khác nhận xét |
| 3 Bài mới 3.1 Giới thiệu bài Thêu móc xích “tiết 2”. | 1 | HS nghe và ghi tên bài |
| 3.2Hoạt động 1:HS thực hành thêu móc xích -HS nhắc lại phần ghi nhớ và thực hiện các bước thêu móc xích. -GV nhận xét và củng cố kĩ thuật | 20 | -HS thực hành theo yêu cầu của GV . |

| | | |
|--|---|---|
| <p>thêu móc xích theo các bước :vạch đường thêu;thêu móc xích theo đường vạch dấu.</p> <p>-Kiểm tra sự chuẩn bị của HS và nêu yêu cầu, thời gian hoàn thành sản phẩm.</p> <p>-GV quan sát, chỉ dẫn và uốn nắn những HS thao tác chưa đúng kĩ thuật</p> | | |
| <p>3.3Hoạt động 2: GV đánh giá kết quả thực hành của HS.</p> <p>-GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm thực hành .</p> <p>-GV nêu các tiêu chuẩn đánh giá:</p> <p>+ Thêu đúng kĩ thuật;</p> <p>+ Các vòng chỉ của mũi thêu móc nối vào nhau như chuỗi mắt xích và tương đối bằng nhau.</p> <p>+ Đường thêu phẳng, không bị dúm.</p> <p>+ Hoàn thành sản phẩm đúng thời gian quy định.</p> <p>-Yêu cầu HS đánh giá sản phẩm của mình và bạn.</p> <p>-GV nhận xét và đánh giá kết quả học tập củaHS.</p> | 6 | <p>HS trưng bày sản phẩm thực hành của mình vào góc trưng bày.</p> <p>-HS dựa vào tiêu chuẩn đánh giá sản phẩm của mình và của bạn.</p> |
| <p>4. Củng cố</p> <p>GV nhận xét sản phẩm của HS – tuyên dương.</p> <p>Nhận xét tiết học</p> | 2 | HS lắng nghe và rút kinh nghiệm |
| <p>5. Dặn dò</p> <p>Chuẩn bị bài sau: Cắt khâu thêu sản phẩm tự chọn</p> | 1 | Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu |

TIẾT 70: CHIA MỘT TÍCH CHO MỘT SỐ

I.MỤC TIÊU

1.Kiến thức:

- Thực hiện được phép chia một tích cho một số.
- HS làm bài tập 1,2

2.Kĩ năng:Biết vận dụng vào tính toán.

3.Thái độ: - HS biết áp dụng tính chất vào tính nhẩm, tính nhanh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Bảng phụ ghi nội dung BT2

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

| Hoạt động của giáo viên | TG | Hoạt động của học sinh |
|--|----|--|
| 1. Ổn định tổ chức lớp Kiểm tra sĩ số | 1 | HS báo cáo Hát |
| 2. Kiểm tra bài cũ Chia một số cho một tích. - Khi chia một số cho một tích ta có thể chia như thế nào ? - GV yêu cầu 3 HS lên bảng sửa làm lại bài tập 2. - GV nhận xét bài cũ | 4 | - HS sửa bài - HS nhận xét |
| 3 Bài mới 3.1 Giới thiệu bài : Chia một tích cho một số | 1 | HS nghe và ghi tên bài |
| 3.2Hoạt động1: Hướng dẫn trường hợp cả hai thừa số chia hết cho số chia. - GV ghi bảng: $(9 \times 15) : 3$ $9 \times (15 : 3)$ $(9 : 3) \times 15$ - Yêu cầu HS so sánh các kết quả & rút ra nhận xét. - Ta có: $(9 \times 15) : 3 = 9 \times (15 : 3) = (9 : 3) \times 15$ + Khi tính $(9 \times 15) : 3$ ta nhân rồi chia, ta có thể nói là đã lấy tích chia cho số chia. + Khi tính $9 \times (15 : 3)$ hay $(9 : 3) \times 15$ ta chia một thừa số cho 3 rồi nhân với thừa số kia. | 6 | -3 HS lên bảng tính. $(9 \times 15) : 3 = 135 : 3 = 45$ $9 \times (15 : 3) = 9 \times 5 = 45$ $(9 : 3) \times 15 = 3 \times 15 = 45$ + Giá trị của ba biểu thức bằng nhau. |
| 3.3Hoạt động 2: HD HS trường hợp thừa số thứ nhất không chia hết cho số chia. - GV ghi bảng: $(7 \times 15) : 3$ | 6 | 2HS lên bảng tính. $(7 \times 15) : 3$ $7 \times (15 : 3)$ |

| | | |
|--|---|--|
| <p style="text-align: center;">$7 \times (15 : 3)$</p> <p>- Yêu cầu HS tính</p> <p>- Yêu cầu HS so sánh các kết quả & rút ra nhận xét. GV hỏi: Vì sao ta không tính $(7 : 3) \times 15$?</p> <p>- Khi chia một tích cho một số ta làm thế nào?</p> | | $= 105 : 3 = 7 \times 5$ $= 35 = 35$ <p>HS nêu nhận xét: Giá trị của hai biểu thức bằng nhau.</p> <p>- Vì thừa số thứ nhất (7) không chia hết cho số chia 3.</p> <p>- Khi chia một tích cho một số ta có thể lấy một thừa số chia cho số đó rồi nhân kết quả với thừa số kia.</p> <p>- Vài HS nhắc lại.</p> |
| <p>3.4Hoạt động 4: Thực hành</p> <p>Bài tập 1: Gọi HS đọc yêu cầu bài Gọi 2HS lên bảng làm bài + cả lớp làm nháp</p> <p>GV cùng HS sửa bài nhận xét. - GV hỏi: Vì sao không tính được theo cách thứ ba?</p> | 7 | <p>HS đọc yêu cầu bài, làm bài vào vở nháp + 2HS lên bảng làm bài</p> <p>a. $(8 \times 23) : 4 \quad (8 \times 23) : 4 = (8 : 4) \times 23$ $= 184 : 4 \quad = 2 \times 23$ $= 46 \quad = 46$</p> <p>b. $(15 \times 24) : 6 \quad (15 \times 24) : 6 = 15 \times (24 : 6)$ $= 360 : 6 \quad = 15 \times 4$ $= 60 \quad = 60$</p> <p>+ Vì mỗi tích có một thừa số không chia hết cho số chia.</p> |
| <p>Bài tập 2: Gọi HS đọc yêu cầu bài GV tổ chức cho HS thi đua cặp đôi. GV cùng HS nhận xét – tuyên dương.</p> | 6 | <p>HS đọc yêu cầu bài, suy nghĩ , lên bảng thi đua.</p> $(25 \times 36) : 9 = 25 \times (36 : 9)$ $= 25 \times 4 = 100$ |
| <p>Bài tập 3: Gọi HS đọc yêu cầu bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài toán cho biết gì? - Bài toán hỏi gì? <p>- Yêu cầu HS tự nêu cách giải và giải vào vở. GV chấm một số vở – nhận xét</p> | 6 | <p>HS đọc yêu cầu bài, ghi tóm tắt và giải vào vở.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Số mét vải cửa hàng có là: $30 \times 5 = 150$ (m)</p> <p>Số mét vải cửa hàng đã bán là: $150 : 5 = 30$ (m)</p> <p><u>Đáp số:</u> 30 (m)</p> |
| <p>4. Củng cố Khi chia một tích cho một số ta làm thế nào? - Nhận xét tiết học</p> | 2 | 2 HS nêu |
| <p>5. Dặn dò Chuẩn bị bài: Chia hai số có tận cùng là các chữ số 0.</p> | 1 | Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu |

TẬP LÀM VĂN

TIẾT 28 : CẤU TẠO BÀI VĂN MIÊU TẢ ĐỒ VẬT

I.MỤC TIÊU :

1.Kiến thức:

- Nắm được cấu tạo bài văn miêu tả đồ vật, các kiểu mở bài, kết bài, trình tự miêu tả

trong phần thân bài (ND ghi nhớ)

- Biết vận dụng kiến thức đã học để viết mở bài, kết bài cho một bài văn miêu tả cái trống trường (mục III).

2.Kĩ năng:Biết vận dụng kiến thức đã học để viết mở bài, kết bài cho một bài văn miêu tả đồ vật.

3.Thái độ: - HS yêu thích tìm hiểu tiếng Việt.

II ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Tranh minh họa *Cái cối xay* trong SGK.

- Phiếu khổ to kẻ bảng để HS làm bài câu d (BT1, phần nhận xét)

+ 1 tờ giấy viết lời giải câu a ,b, c (BT1)

| | |
|--|---|
| <p>+ Câu a) Câu văn tả bao quát cái trống trường.</p> <p>+ Câu b) Tên các bộ phận của cái trống được miêu tả.</p> <p>+ Câu c) Những từ ngữ tả hình dáng, âm thanh của trống.</p> | <p>+ Anh chàng trống này tròn như cái chum, lúc nào cũng chễm chệ trên một cái giá gỗ kê ở trước phòng bảo vệ.</p> <p>- Mình trống</p> <p>- Ngang lưng trống</p> <p>- Hai đầu trống</p> <p>+ Hình dáng: tròn như cái chum; mình được ghép bằng những mảnh gỗ đều chẵn chẵn, nở ở giữa, khum nhỏ lại ở hai đầu; ngang lưng quán hai vành đai to bằng con rắn cạp nong, nom rất hùng dũng; hai đầu bịt kín bằng da trâu thuộc kĩ, căng rất phẳng .</p> <p>+ Âm thanh: tiếng trống ồm ồm giục giã “Tùng ! Tùng! Tùng !—giục trẻ rảo bước tới trường / trống “cầm cang” theo nhịp “Cắc, tùng ! Cắc, tùng !” để học sinh tập thể dục / trống “xả hơi” một hồi dài là lúc HS được nghỉ.</p> |
|--|---|

- 1 tờ giấy khổ to viết đoạn thân bài tả cái trống (phần luyện tập)

-3 tờ giấy trắng để 3 HS viết thêm mở bài, kết bài cho thân bài cái trống (BT d phần luyện tập)

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

| Hoạt động của giáo viên | TG | Hoạt động của học sinh |
|---|-----------|---|
| 1. Ôn định tổ chức lớp | 1 | HS chuẩn bị đồ dùng học tập |
| <p>2. Kiểm tra bài cũ Thế nào là miêu tả?</p> <p>- GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung cần ghi nhớ.</p> <p>- Yêu cầu 2 HS làm lại BT2 (Phần luyện tập) – nói một vài câu tả một hình ảnh mà em thích trong đoạn thơ <i>Mưa</i>.</p> <p>- GV nhận xét</p> | 4 | <p>1 HS nhắc lại nội dung cần ghi nhớ.</p> <p>- 2 HS làm lại BT2 (Phần luyện tập)</p> <p>– nói một vài câu tả một hình ảnh mà em thích trong đoạn thơ <i>Mưa</i>.</p> |

| | | |
|--|----|---|
| <p>3 Bài mới 3.1 Giới thiệu bài Bài học hôm trước đã giúp các em biết thế nào là văn miêu tả. Tiết TLV hôm nay cô sẽ hướng dẫn các em biết cách làm một bài văn miêu tả một đồ vật như búp bê, bảng lớp, cặp sách</p> | 1 | HS nghe và ghi tên bài |
| <p>3.2 Hoạt động 1: Hướng dẫn phần nhận xét Bài tập 1 - GV giải nghĩa thêm: <i>áo cối</i> (vòng bọc ngoài của thân cối) - GV yêu cầu HS trả lời miệng các câu hỏi a, b, c; trả lời viết trên phiếu câu d a) Bài văn tả cái gì? GV bổ sung: Ngày xưa, cách đây ba, bốn chục năm, ở nông thôn chưa có máy xay xát gạo như hiện nay nên người ta vẫn dùng cối xay bằng tre để xay lúa. Hiện nay, ở một số gia đình nông thôn miền Bắc & miền Trung vẫn còn chiếc cối xay bằng tre. b) Các phần mở bài & kết bài trong bài “Cái cối tân”. Mỗi phần ấy nói lên điều gì? c) Các phần mở bài & kết bài đó giống với những cách mở bài & kết bài nào đã học? d) Phần thân bài tả cái cối theo trình tự như thế nào? - GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng.</p> | 14 | <p>- 2 HS tiếp nối nhau đọc bài văn <i>Cái cối tân</i>, những từ ngữ được chú thích & những câu hỏi sau bài. - HS quan sát tranh minh họa cái cối - HS đọc thầm lại đoạn văn, suy nghĩ, trao đổi, trả lời lần lượt các câu hỏi: a) Cái cối xay gạo .</p> <p>+ Phần mở bài: Cái cối xinh xinh xuất hiện như một giấc mộng, ngôi chêm chệ giữa gian nhà trống. Giới thiệu cái cối (đồ vật được miêu tả). + Phần kết bài: Cái cối xay cũng như những đồ dùng đã sống cùng tôi theo dõi từng bước anh đi ... Nêu kết thúc của bài (Tình cảm thân thiết giữa các đồ vật trong nhà với bạn nhỏ). *Các phần mở bài, kết bài đó giống các kiểu mở bài trực tiếp, kết bài mở rộng trong văn kể chuyện. + Phần mở bài: giới thiệu ngay đồ vật sẽ tả là cái cối tân (mở bài trực tiếp). + Phần kết bài: bình luận thêm (kết bài mở rộng) * Tả hình dáng theo trình tự từ bộ</p> |

| | | |
|---|----|---|
| <p>- GV nói thêm về biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá trong bài: Các hình ảnh so sánh: <i>chật như nêm cối / cái chột bằng tre mà rắn như đanh</i>. Các hình ảnh nhân hoá: <i>cái tai tinh táo để nghe ngóng / cái cối xay, cái võng đay, cái chiếu manh, cái mâm gỗ, cái giỏ cua, cái chạn bát, cái giường nứa – tất cả, tất cả chúng nó đều cất tiếng nói:</i> Tóm lại, tác giả đã quan sát cái cối xay gạo bằng tre rất tỉ mỉ, tinh tế, bằng nhiều giác quan. Nhờ quan sát tinh tế, dùng từ ngữ miêu tả chính xác, độc đáo, sử dụng linh hoạt các biện pháp so sánh, nhân hoá, tác giả đã viết được một bài văn miêu tả cái cối chân thực, sinh động.</p> <p><u>Bài tập 2</u></p> <p>- GV theo dõi, nhận xét, bổ sung câu trả lời của HS.</p> | | <p>phận lớn đến bộ phận nhỏ, từ ngoài vào trong, từ phần chính đến phần phụ. (Cái vành -> cái áo; hai cái tai->cái lỗ tai;hàm răng cối -> dăm cối ;cần cối -> đầu cối; cái chột -> dây thừng buộc cần)</p> <p>+ Tiếp theo tả công dụng cái cối. (Xay lúa, tiếng cối làm vui cả xóm)</p> <p>- Cả lớp đọc thầm yêu cầu của bài. - Dựa vào kết quả BT1, HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi: Khi tả một đồ vật, ta cần tả bao quát toàn bộ đồ vật, sau đó đi vào tả những bộ phận có đặc điểm nổi bật, kết hợp thể hiện tình cảm với đồ vật.</p> |
| <p>3.3 Hoạt động 2 Ghi nhớ kiến thức</p> <p>- Yêu cầu HS đọc thầm phần ghi nhớ</p> <p>- GV giải thích thêm : Khi tả các bộ phận của đồ vật ta nên chọn tả chỉ những bộ phận có đặc điểm nổi bật, không nên tả đầy đủ, chi tiết mọi bộ phận. Tả như thế bài viết dễ lan man, dài dòng, thiếu hấp dẫn. Để tả chỉ những bộ phận nổi bật, phải quan sát kĩ & biết cách quan sát. Điều này các em sẽ học tiếp ở các bài sau.</p> | 2 | <p>- HS đọc thầm phần ghi nhớ</p> <p>-3 HS lần lượt đọc phần ghi nhớ trong SGK</p> |
| <p>3.4Hoạt động 3: Hướng dẫn luyện tập</p> <p>- GV mời HS đọc yêu cầu của bài</p> | 15 | <p>-2 HS tiếp nối nhau đọc yêu cầu của bài tập - Cả lớp đọc thầm bài tả cái</p> |

| | | |
|--|---|--|
| <p>tập</p> <p>Câu a, b, c:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV dán tờ phiếu viết đoạn thân bài tả cái trống. - GV gạch dưới câu văn tả bao quát cái trống / tên các bộ phận của cái trống / những từ ngữ tả hình dáng, âm thanh của cái trống. - GV treo bảng viết lời giải <p>Câu d:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV lưu ý HS: + Có thể mở bài theo cách trực tiếp hoặc gián tiếp, kết bài theo kiểu mở rộng hoặc không mở rộng. + Khi viết, cần chú ý tạo sự liên mạch giữa đoạn mở bài với thân bài, giữa đoạn thân bài với kết bài. <p>- GV nhận xét- tuyên dương những HS có kết bài, mở bài hay.</p> | | <p>trống, suy nghĩ trả lời câu hỏi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS phát biểu ý kiến, trả lời các câu hỏi a, b, c <p>1HS đọc lại theo bảng GV đã chuẩn bị sẵn. (Như phần II Đ D DH)</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài tập câu d – viết thêm phần mở bài, kết bài cho đoạn thân bài tả cái trống để đoạn văn trở thành bài văn hoàn chỉnh. - HS làm bài vào vở - Vài HS làm bài vào giấy trắng - HS tiếp nối nhau đọc phần mở bài. Cả lớp nhận xét, bình chọn bài trên bảng lớp lời mở bài hay. - HS tiếp nối nhau đọc phần kết bài. Cả lớp nhận xét, bình chọn bài trên bảng lớp lời mở bài hay. <p>Ví dụ: Mở bài trực tiếp:</p> <p><i>Những ngày đầu cắp sách đến trường, có một đồ vật gây cho tôi ấn tượng thích thú nhất, đó là chiếc trống trường.</i></p> <p>Mở bài gián tiếp:</p> <p><i>Kỉ niệm của những ngày đầu đi học là kỉ niệm mà mỗi người không bao giờ quên. Kỉ niệm ấy luôn gắn với những đồ vật & con người. Nhớ những ngày đầu đi học, tôi luôn nhớ tới chiếc trống trường tôi, nhớ những âm thanh rộn rã, náo nức của nó.</i></p> <p>Kết bài mở rộng:</p> <p><i>Rồi đây, tôi sẽ trở thành một học sinh trung học. Rồi xa mái trường tuổi thơ, tôi sẽ không bao giờ quên hình dáng đặc biệt của chiếc trống trường tôi, những âm thanh thôi thúc, rộn ràng của nó.</i></p> <p>Kết bài không mở rộng:</p> <p><i>Tạm biệt anh trống, đám trò nhỏ chúng tôi riu rít ra về.</i></p> |
| <p>4. Cũng cố</p> <p>GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập của HS.</p> <p>Khen ngợi hs viết được phần MB , KB đúng , hay</p> | 2 | <p>HS nghe và rút kinh nghiệm</p> |

| | | |
|--|---|---|
| <p>5. Dặn dò Yêu cầu HS viết chưa đạt đoạn mở bài, kết bài (cho thân bài tả cái trống trường) về nhà hoàn chỉnh lại bài, viết vào vở. - Chuẩn bị bài: Luyện tập miêu tả đồ vật.</p> | 1 | Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu |
|--|---|---|

ĐỊA LÍ
TIẾT 14 : HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA NGƯỜI DÂN
Ở ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

I.MỤC TIÊU :

1.Kiến thức:

- Nêu được HDSX của người dân ở đồng bằng Bắc bộ
- + Trồng lúa nước và là vựa lúa lớn thứ 2 của cả nước
- +Trồng nhiều ngô khoai ,cây ăn quả , rau xứ lạnh , nuôi nhiều lợn và gia cầm
- Nhận xét nhiệt độ của Hà Nội tháng lạnh , tháng 1,2,3 nhiệt độ dưới 20 độ C , từ đó biết ĐB BB có mùa đông lạnh

2.Kĩ năng:

- HS biết trình bày một số đặc điểm tiêu biểu về hoạt động sản xuất của người dân đồng bằng Bắc Bộ (vựa lúa lớn thứ hai của đất nước, là nơi nuôi nhiều lợn, gia cầm, trồng nhiều rau xanh xứ lạnh, có các nghề thủ công phát triển...)
- Biết các công việc cần phải làm trong quá trình sản xuất lúa gạo, sản xuất gốm.
- Xác lập mối quan hệ giữa thiên nhiên, dân cư với hoạt động sản xuất.

3.Thái độ: Có ý thức tôn trọng, bảo vệ các thành quả lao động của người dân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC :

Bản đồ nông nghiệp Việt Nam.

Tranh ảnh về trồng trọt, chăn nuôi, nghề thủ công, chợ phiên ở đồng bằng Bắc Bộ.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

| Hoạt động của giáo viên | TG | Hoạt động của học sinh |
|--|----|---|
| 1. Ổn định tổ chức lớp | 1 | HS chuẩn bị đồ dùng học tập |
| <p>2. Kiểm tra bài cũ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu những đặc điểm về nhà ở, làng xóm của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ? - Lễ hội của người dân đồng bằng Bắc Bộ được tổ chức vào thời gian nào? Nhằm mục đích gì? - GV nhận xét | 4 | <p>2HS lên bảng trả lời</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS cả lớp theo dõi nhận xét |
| <p>3 Bài mới</p> <p>3.1 Giới thiệu bài Chúng ta đã biết về nhà ở, làng xóm, trang</p> | 1 | HS nghe và ghi tên bài |

| | | |
|--|----|---|
| <p>phục, lễ hội của người dân đồng bằng Bắc Bộ. Bài học này sẽ giúp các em biết hoạt động sản xuất của người dân nơi đây có gì khác với người dân miền núi, Tây Nguyên.</p> | | |
| <p>3.1Hoạt động1: Hoạt động cá nhân Yêu cầu HS đọc thông tin mục 1 SGK trả lời câu hỏi 1. Vựa lúa lớn thứ hai của cả nước. - Đng bằng Bắc Bộ có những thuận lợi nào để trở thành vựa lúa lớn thứ hai của cả nước? - Nêu tên các công việc cần phải làm trong quá trình sản xuất lúa gạo, từ đó em rút ra nhận xét gì về việc trồng lúa gạo của người nông dân? - Em có nhận xét gì về việc trồng lúa của người dân? - Nêu tên các cây trồng, vật nuôi khác của đồng bằng Bắc Bộ? - Vì sao ở đây nuôi nhiều gia súc, gia cầm?</p> | 15 | <p>HS đọc thông tin SGK suy nghĩ trả lời câu hỏi + Đất phù sa màu mỡ, nguồn nước dồi dào, người dân cần cù lao động, có nhiều kinh nghiệm sản xuất. + Các công việc cần phải làm trong quá trình sản xuất lúa gạo: làm đất, gieo mạ, cấy lúa, chăm sóc(nhổ cỏ, tát nước, bón phân), gặt lúa, tuốt lúa, phơi lúa, chế biến thành sản phẩm. + Người dân phải tốn nhiều công sức mới sản xuất ra lúa, gạo. + Cây trồng, vật nuôi khác củađồng bằng Bắc Bộ: ngô, khoai, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc, gia cầm. + Do ở đây có sẵn nguồn thức ăn là lúa gạo & các sản phẩm phụ của lúa gạo nên nơi đây nuôi nhiều lợn, gà, vịt</p> |
| <p>3.3. Hoạt động 2: Làm việc nhóm 2. Vùng trồng nhiều rau xứ lạnh. GV yêu cầu các nhóm thảo luận theo câu hỏi sau: - Mùa đông của đồng bằng Bắc Bộ dài bao nhiêu tháng? Khi đó nhiệt độ có đặc điểm gì? Vì sao? - Nhiệt độ thấp vào mùa đông có thuận lợi & khó khăn gì cho sản xuất nông nghiệp? - Kể tên các loại rau xứ lạnh được trồng ở đồng bằng Bắc Bộ? (GV gợi ý: Hãy nhớ lại xem Đà Lạt có những loại rau xứ lạnh nào? Các loại rau đó cũng được trồng ở đồng bằng Bắc Bộ) - GV giải thích thêm ảnh hưởng</p> | 12 | <p>- HS dựa vào SGK, thảo luận theo gợi ý. - Đại diện nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác nhận xét & bổ sung. + Mùa đông của đồng bằng Bắc Bộ dài 4 tháng.Khi đó nhiệt độ giảm nhanh khi có gió mùa đông bắc thổi về. + Thuận lợi: trồng được nhiều loại rau xứ lạnh Khó khăn: rét quá lúa và một số cây bị chết. + Tên các loại rau xứ lạnh được trồng ở đồng bằng Bắc Bộ: su hào,bắp cải, cà chua, cà rốt, xà lách, khoai tây, . . .</p> |

| | | |
|--|---|--|
| của gió mùa Đông Bắc đối với thời tiết của đồng bằng Bắc Bộ. - GV nhận xét bổ sung | | - HS dựa vào SGK, tranh ảnh nêu tên các cây trồng, vật nuôi khác của đồng bằng Bắc Bộ. |
| 4. Củng cố Trình bày các hoạt động sản xuất ở đồng bằng Bắc Bộ? - Gọi HS đọc ghi nhớ cuối bài. - Nhận xét tiết học | 2 | HS nêu HS đọc |
| 5. Dặn dò Chuẩn bị bài: Hoạt động sản xuất của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ (tiết 2) | 1 | Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu |

KHOA HỌC

TIẾT 28: BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến thức -

- Nêu được một số biện pháp bảo vệ nguồn nước
 - Vệ sinh xung quanh nguồn nước
 - Làm nhà tiêu tự hoại xa nguồn nước
 - Xử lí nước thải bảo vệ thống thoát nước thải
- Thực hiện bảo vệ nguồn nước

2. Kỹ năng: Biết cách bảo vệ nguồn nước ở gia đình , địa phương nơi cư trú

3. Thái độ:

- Biết bảo vệ nguồn nước trong sạch

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Hình trang 58, 59 SGK
- Giấy A0 đủ cho các nhóm, bút màu đủ cho mỗi HS

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

| Hoạt động của giáo viên | TG | Hoạt động của học sinh |
|---|-----------|------------------------------------|
| 1. Ổn định tổ chức lớp | 1 | HS chuẩn bị đồ dùng học tập |
| 2. Kiểm tra bài cũ Tại sao chúng ta cần phải đun sôi nước trước khi uống? - Kể tên các cách làm sạch nước ? - GV nhận xét | 5 | - HS trả lời - HS nhận xét |
| 3 Bài mới 3.1 Giới thiệu bài: Bảo vệ nguồn nước | 1 | HS nghe và ghi tên bài |
| 3.2 Hoạt động 1: Tìm hiểu những biện pháp bảo vệ nguồn nước Mục tiêu: HS nêu được những việc nên và không nên làm để bảo vệ nguồn nước Cách tiến hành: | 15 | - Hai HS quay lại với nhau chỉ vào |

| | | |
|--|-----------|---|
| <p>Bước 1: Làm việc theo cặp</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS quan sát các hình và trả lời câu hỏi trang 58 SGK <p>Bước 2: Làm việc cả lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 1 số HS trình bày kết quả làm việc theo cặp <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS liên hệ bản thân, gia đình và địa phương đã làm được gì để bảo vệ nguồn nước - Để bảo vệ nguồn nước cần làm gì? | | <p>từng hình vẽ, nêu những việc nên và không nên làm để bảo vệ nguồn nước</p> <p>+ Những việc không nên làm để bảo vệ nguồn nước:</p> <p>Hình 1: Đục ống nước sẽ làm cho các chất bẩn thấm vào nguồn nước</p> <p>Hình 2: Đổ rác xuống ao sẽ làm nước ao bị ô nhiễm, cá và các sinh vật khác bị chết</p> <p>+ Những việc nên làm để bảo vệ nguồn nước:</p> <p>Hình 3: Vứt rác có thể tái chế vào một thùng riêng vừa tiết kiệm vừa bảo vệ được môi trường đất vì những chai lọ, túi nhựa rất khó bị phân hủy, chúng sẽ là nơi ẩn náu của mầm bệnh và các vật trung gian truyền bệnh</p> <p>Hình 4: Nhà tiêu tự hoại tránh làm ô nhiễm nguồn nước ngầm</p> <p>Hình 5: Khơi thông cống rãnh quanh giếng, để nước bẩn không ngấm xuống mạch nước ngầm và muỗi không có nơi sinh sản</p> <p>Hình 6: Xây dựng hệ thống thoát nước thải, sẽ tránh được ô nhiễm đất, ô nhiễm không khí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giữ vệ sinh sạch sẽ xung quanh nguồn nước sạch như giếng nước, hồ nước, đường ống dẫn nước - Không đục phá ống nước làm cho chất bẩn thấm vào nguồn nước - Xây dựng nhà tiêu tự hoại, nhà tiêu hai ngăn, nhà tiêu đào cải tiến để phân không thấm xuống đất làm ô nhiễm nguồn nước - Cải tạo và bảo vệ hệ thống thoát nước thải sinh hoạt và công nghiệp trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung |
| <p>3.3Hoạt động 2: Cuộc thi: Đội tuyên truyền giỏi</p> <p>Mục tiêu: HS đóng vai cán bộ môi trường tuyên truyền bảo vệ nguồn nước</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia nhóm và giao nhiệm vụ | <p>10</p> | <p>Nhóm trưởng điều khiển các bạn làm</p> |

| | | |
|--|---|---|
| cho các nhóm - GV đi tới các nhóm kiểm tra và giúp đỡ, đảm bảo rằng mọi HS đều tham gia - GV đánh giá nhận xét, chủ yếu tuyên dương các sáng kiến tuyên truyền cổ động mọi người cùng bảo vệ nguồn nước. | | các việc như GV đã hướng dẫn - Thảo luận trình bày kịch bản bảo vệ nguồn nước - Phân công thành viên tuyên truyền bảo vệ nguồn nước Đại diện các nhóm thi tuyên truyền viên giỏi - Các nhóm nhận xét đánh giá |
| 4. củng cố Em đã làm gì để bảo vệ nguồn nước ? Nêu nội dung chính của bài | 2 | HS nêu HS đọc bạn cần biết |
| 5. Dặn dò GV nhận xét tiết học - Chuẩn bị bài: Tiết kiệm nước | 1 | Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu |

SINH HOẠT LỚP TUẦN 14

I. MỤC TIÊU

- Học sinh nắm được ưu khuyết điểm trong tuần về các mặt hoạt động : Thực hiện nề nếp của trường , lớp .
- Đề ra biện pháp giúp đỡ học sinh thực hiện chưa tốt nội quy của lớp

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1, Lớp trưởng nhận xét đánh giá thi đua giữa các tổ về các mặt .

- Nề nếp xếp hàng vào lớp, truy bài
 - Lao động , vệ sinh cá nhân
 - Học bài và làm bài khi đến lớp .
 - Nói lời hay làm việc tốt
- _ Xếp loại thi đua giữa các phân đội :

2. Ý kiến các thành viên trong tổ

- Nhận xét về hành vi của các bạn

3. Phương hướng nhiệm vụ tuần sau

- Tiếp tục tổ chức thi đua giữa các tổ theo tiêu chí thi đua
- Tổ chức đôi bạn cùng tiến giúp nhau trong học tập.
- Nói năng lễ phép văn minh , lịch sự
- Giúp bạn biết cách nhân , chia với số có một , hai chữ số

Thực hiện tốt luật an toàn giao thông : đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy và xe đạp điện

- Thực hiện tốt các phong trào do Liên đội tổ chức

4. Ý kiến nhận xét . nhắc nhở của giáo viên chủ nhiệm

- Nhận xét và tuyên dương các tổ, các cá nhân làm tốt công việc trong tuần .
- Động viên học sinh làm chưa tốt tiếp tục phấn đấu làm tốt ở các tuần học sau .
- Nhắc một số học sinh ngồi trong lớp còn nói tự do .
- Thực hiện tốt nề nếp sống thanh lịch văn minh của học sinh thủ đô.
- Học thuộc bảng cửu chương .
- Luyện giải toán trên mạng

NHẬN XÉT , ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM HIỆU

.....

.....

.....

.....

.....

TUẦN 15
TOÁN (TIẾT 71)
CHIA HAI SỐ CÓ TẬN CÙNG LÀ CÁC CHỮ SỐ 0

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Thực hiện được chia hai số có tận cùng là các chữ số 0.

2. Kỹ năng:

- HS biết áp dụng để tính đúng, nhanh, chính xác.

3. Thái độ:

Có ý thức học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên : SGK Bảng nhóm

2. Học sinh: Sách vở, đồ dùng môn học

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

| Hoạt động của giáo viên | Tg (ph) | Hoạt động của học sinh |
|--|---------|--|
| 1. Ôn định tổ chức : | 1 | |
| 2. Kiểm tra bài cũ : Một tích chia cho một số. - GV gọi 2 HS lên bảng làm lại bài tập 1 - Khi chia một tích cho một số ta làm thế nào? - GV nhận xét | 4 | HS lên bảng sửa bài và trả lời câu hỏi - S cả lớp theo dõi nhận xét |
| 3. Bài mới : 3.1 Giới thiệu bài : Hôm nay chúng ta học tiết chia số có tận cùng là chữ số 0. | 1 | -HS lắng nghe nhắc lại bài |
| 3.2 : Bước chuẩn bị (Ôn tập) GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung sau đây: + Chia nhẩm cho 10, 100, 1000... + Quy tắc chia một số cho một tích. | 2 | -2HS nêu – HS cả lớp theo dõi nhận xét. |
| 3.3. Giới thiệu trường hợp số bị chia & số chia đều có một chữ số 0 ở tận cùng. - GV ghi bảng: $320 : 40$ - Áp dụng quy tắc một số chia một tích , GV yêu cầu HS thực hiện phép tính. GV cùng HS nhận xét -Yêu cầu HS nêu nhận xét: $320 : 40$ và $32 : 4$ - GV kết luận: Có thể cùng xoá 1 | 5 | HS đọc lại phép tính và thực hiện $320 : 40 = 320 : (10 \times 4)$ $= 320 : 10 : 4$ $= 32 : 4$ $= 8$ |

| | | |
|--|--------------------|---|
| <p>chữ số 0 ở tận cùng của số chia & số bị chia để được phép chia 32 : 4, rồi chia như thường (32 : 4 = 8)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đặt tính + Đặt tính + Cùng xoá một chữ số 0 ở số chia & số bị chia. + Thực hiện phép chia: 32 : 4 <p>3.4. Giới thiệu trường hợp số chữ số 0 ở tận cùng của số bị chia nhiều hơn số chia.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV ghi bảng: 32000 : 400 - Tương tự GV yêu cầu HS lên bảng tính <p>GV cùng HS nhận xét Yêu cầu HS nhận xét: 32000 : 400 và 320 : 4</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể cùng xoá đi mấy chữ số 0 ở tận cùng của số chia & số bị chia ? <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đặt tính + Đặt tính + Cùng xoá hai chữ số 0 ở số chia & số bị chia. + Thực hiện phép chia: 320 : 4 = 80 <p>Kết luận chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xoá bao nhiêu chữ số 0 ở tận cùng của số chia thì phải xoá bấy nhiêu chữ số 0 ở tận cùng của số bị chia. Sau đó thực hiện phép chia như thường <p>3.5. Thực hành</p> <p><u>Bài tập 1:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu bài - Bài tập yêu cầu gì? <p>GV gọi 1HS lên bảng đặt tính, yêu cầu cả lớp làm bài vào bảng con.</p> <p>GV cùng HS nhận xét – sửa bài.</p> | <p>5</p> <p>18</p> | <p>+ Kết quả của 320 : 40 = 32 : 4</p> <p>HS đặt tính</p> $320 : 40 = 8$ <p>HS đọc lại phép tính và thực hiện $32000 : 400 = 32000 : (100 \times 4)$ $= 32000 : 100 : 4$ $= 320 : 4$ $= 80$</p> <p>HS nêu nhận xét: + Kết quả 32000 : 400 = 320 : 4 +Có thể cùng xoá đi 2 chữ số 0 ở tận cùng của số chia & số bị chia để được phép chia 320 : 4, rồi chia như thường (320 : 4 = 80)</p> <p>- HS đặt tính.</p> $\begin{array}{r l} 32000 & 400 \\ 00 & 80 \end{array}$ <p>HS đọc yêu cầu bài + 1HS lên bảng đặt tính + cả lớp làm bảng con.</p> <p>a. $\begin{array}{r l} 420 & 60 \\ \hline 4500 & 500 \end{array}$</p> |
|--|--------------------|---|

| | | |
|--|---|---|
| <p><u>Bài tập 2:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> -Gọi HS đọc yêu cầu bài - Bài tập yêu cầu gì? Thành phần chưa biết là gì? Nêu cách tìm thừa số chưa biết? Yêu cầu HS làm bài vào vở nháp + 2HS lên bảng thi đua – GV cùng HS nhận xét <p><u>Bài tập 3:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> -Gọi HS đọc yêu cầu bài -Bài tập yêu cầu gì? - GV yêu cầu HS làm bài vào vở GV chấm vở nhận xét. | | <p style="text-align: center;">0 7 0 9</p> <p>b. $\begin{array}{r l} 85000 & 500 \\ 35 & 170 \\ 00 & \end{array} \quad \begin{array}{r l} 92000 & 400 \\ 12 & 230 \\ 00 & \end{array}$</p> <p>HS đọc yêu cầu bài – nêu cách tìm thừa số chưa biết và làm bài vào vở nháp.</p> $\begin{array}{l} x \times 40 = 25600 \\ x = 25600 : 40 \\ x = 640 \end{array} \quad \begin{array}{l} x \times 90 = 37800 \\ x = 37800 : 90 \\ x = 420 \end{array}$ <p>HS đọc yêu cầu bài, ghi tóm tắt và giải vào vở.</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u></p> <p style="text-align: center;">Nếu 1 toa chở 20 tấn thì cần $180 : 20 = 9$ (toa)</p> <p style="text-align: center;">Nếu mỗi toa chở 30 tấn thì cần $180 : 30 = 6$ (toa)</p> <p style="text-align: center;"><u>Đáp số:</u> a) 9toa; b) 6 toa</p> |
| <p>4.Củng cố :</p> <p>Khi chia hai số có tận cùng là các chữ số 0 ta làm như thế nào?</p> <p>- Nhận xét tiết học</p> | 3 | HS nêu |
| <p>5.Đặn dò:-Chuẩn bị bài: Chia cho số có hai chữ số</p> | 1 | Học sinh thực hiện |

TẬP ĐỌC(TIẾT 29) CÁNH ĐIỀU TUỔI THƠ

I.MỤC TIÊU:

1.Kiến thức:

- Biết đọc với giọng vui, hồn nhiên ; bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn trong bài.
- Hiểu nội dung bài: Niềm vui sướng & những khát vọng tốt đẹp mà trò chơi thả diều mang lại cho tuổi nhỏ.

2.Kĩ năng:

- HS đọc lưu loát toàn bài.
- Biết đọc diễn cảm bài văn với giọng vui tha thiết, thể hiện niềm vui sướng của đám trẻ mục đồng khi chơi thả diều.

3. Thái độ:

- Yêu mến cuộc sống, luôn có những khát vọng sống tốt đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- 1.Giáo viên : Tranh minh họa bài học trong SGK
2. Học sinh: SGK,vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

| Hoạt động của giáo viên | Tg | Hoạt động của học sinh |
|-------------------------|----|------------------------|
|-------------------------|----|------------------------|

| | (ph) | |
|---|------|--|
| 1. Ôn định tổ chức : - HS chuẩn bị sách vở đồ dùng | 1 | - HS thực hiện |
| 2. Kiểm tra bài cũ : Chú Đất Nung(tt) - GV yêu cầu 2 – 3 HS nối tiếp nhau đọc bài & trả lời câu hỏi GV nhận xét | 3 | - HS nối tiếp nhau đọc bài và trả lời câu hỏi HS nhận xét |
| 3. Bài mới : 3.1 Giới thiệu bài : GV yêu cầu HS xem tranh minh hoạ & nêu những hình ảnh có trong tranh GV giới thiệu: Bài đọc <i>Cánh diều tuổi thơ</i> sẽ cho các em thấy niềm vui sướng và những khát vọng đẹp đẽ mà trò chơi thả diều mang lại cho trẻ em. | 1 | - HS xem tranh minh hoạ bài đọc & nêu |
| 3.2 .Luyện đọc GV chia đoạn - GV chú ý khen HS đọc đúng kết hợp sửa lỗi phát âm sai, ngắt nghỉ hơi chưa đúng hoặc giọng đọc không phù hợp - GV yêu cầu HS đọc thầm phần chú thích các từ mới ở cuối bài đọc. GV yêu cầu HS đặt câu với từ <i>huyền ảo</i> Yêu cầu 1 HS đọc lại toàn bài GV đọc diễn cảm cả bài GV đọc giọng vui, tha thiết, nhấn giọng những từ ngữ gợi tả, gợi cảm, thể hiện vẻ đẹp của những cánh diều, của bầu trời, niềm vui sướng & khát vọng của đám trẻ khi chơi thả diều: <i>nâng lên, hò hét, mềm mại, phát đại, vi vu trầm bổng, gọi thấp xuống, huyền ảo, thả nhung, chày lên, chày mãi, ngựa cổ, tha thiết cầu xin, bay đi, khát khao</i> | 10 | HS tiếp nối đọc đoạn trong bài (2 lượt + Đoạn 1: 5 dòng đầu + Đoạn 2: phần còn lại + HS nhận xét cách đọc của bạn + HS đọc thầm phần chú giải + Những ngôi sao nhấp nhánh trên bầu trời <u>huyền ảo</u> . - HS luyện đọc theo cặp - 2 HS đọc lại toàn bài - HS nghe |
| 3.3. Tìm hiểu bài GV chia lớp thành 3 nhóm để các em đọc thầm và trả lời câu hỏi. <u>1</u> : Tác giả đã chọn những chi tiết nào để tả cánh diều? <u>2</u> : Trò chơi thả diều đem lại cho trẻ | 10 | Các nhóm đọc thầm bài, thảo luận trong nhóm - đại diện nhóm trả lời câu hỏi + Cánh diều mềm mại như cánh bướm. Trên cánh diều có nhiều loại sáo: sáo đơn, sáo kép, sáo bè,... Tiếng sáo diều vi vu trầm bổng. |

| | | |
|--|----|---|
| <p>em những niềm vui lớn như thế nào?</p> <p>Đoạn 1 cho ta biết điều gì?</p> <p>GV hỏi thêm: Khi miêu tả cánh điều tác giả sử dụng những giác quan nào? 3: Trò chơi thả điều đem lại cho trẻ em những ước mơ đẹp như thế nào?</p> <p>- Qua các câu mở bài & kết bài, tác giả muốn nói lên điều gì về cánh điều tuổi thơ? Đoạn 2 muốn nói về điều gì? Bài văn muốn nói về điều gì?</p> | | <p>- Các bạn hò hét nhau thả điều thi, vui sướng đến phát dại nhìn lên bầu trời</p> <p><u>Ý đoạn 1</u>: Giới thiệu về con điều và niềm vui khi chơi thả điều.</p> <p>+ Khi miêu tả cánh điều tác giả sử dụng những giác quan : mắt, tai.</p> <p>+ Nhìn lên bầu trời đem huyền ảo, đẹp như một tấm thảm nhung khổng lồ, bạn nhỏ thấy lòng cháy lên, cháy mãi khát vọng(Suốt một thời mới lớn, bạn đã ngửa cổ chờ đợi một nàng tiên áo xanh bay xuống từ trời, bao giờ cũng hi vọng, tha thiết cầu xin: <i>Bay đi điều ơi! Bay đi!</i>)</p> <p>+ Cánh điều khơi gợi những ước mơ đẹp cho tuổi thơ</p> <p><u>Ý đoạn 2</u>: Niềm vui và ước mơ đẹp khi chơi thả điều.</p> <p><u>Nội dung chính</u>: Niềm vui sướng & những khát vọng tốt đẹp mà trò chơi thả điều mang lại cho đám trẻ mục đồng khi các em lắng nghe tiếng sáo điều, ngắm những cánh điều bay lơ lửng trên bầu trời.</p> |
| <p>3.4 Đọc diễn cảm</p> <p>-GV hướng dẫn, nhắc nhở HS tìm đúng giọng đọc của bài văn & thể hiện diễn cảm</p> <p>- GV treo bảng phụ có ghi đoạn văn cần đọc diễn cảm (<i>Tuổi thơ của chúng tôi những vì sao sớm</i>)</p> <p>- GV cùng trao đổi, thảo luận với HS cách đọc diễn cảm (ngắt, nghỉ, nhấn giọng)</p> <p>- GV sửa lỗi cho các em</p> <p>GV cùng HS nhận xét – tuyên dương</p> | 11 | <p>*HS đọc tiếp nối nhau từng đoạn trong bài</p> <p>- HS nhận xét, điều chỉnh lại cách đọc cho phù hợp</p> <p>- Thảo luận thầy – trò để tìm ra cách đọc phù hợp</p> <p>- HS luyện đọc diễn cảm đoạn văn theo cặp</p> <p>- HS đọc trước lớp</p> <p>Đại diện nhóm thi đọc diễn cảm (đoạn, bài) trước lớp</p> |
| <p>4. Củng cố :</p> <p>- -Em hãy nêu nội dung bài văn?</p> <p>- Trò chơi thả điều đem lại niềm vui và ước mơ gì cho đám trẻ mục đồng? Nhận xét tiết học</p> | 3 | <p>- HS nhắc lại</p> <p>- HS nêu – HS khác nhận xét</p> |
| <p>5. Dặn dò:</p> <p>-Xem trước bài :Tuổi Ngựa</p> | 1 | <p>Học sinh thực hiện</p> |